

Những thách thức an ninh phi truyền thống đối với Tiểu vùng sông Mekong hiện nay

Nguyễn Thu Trang^(*)

Tóm tắt: Khu vực Tiểu vùng sông Mekong đang gặp nhiều thách thức lớn về an ninh phi truyền thống xuất phát từ vấn đề xây dựng thủy điện ở thượng nguồn. Dựa trên nguồn dữ liệu thứ cấp, bài viết lý giải và phân tích các thách thức an ninh phi truyền thống mà các quốc gia trong khu vực đang phải đối mặt, bao gồm: an ninh nguồn nước, biến đổi khí hậu, an ninh con người, an ninh lương thực. Các thách thức an ninh phi truyền thống tại Tiểu vùng sông Mekong được xem xét trong bối cảnh địa chính trị, địa chiến lược phức tạp.

Từ khóa: An ninh phi truyền thống, Tiểu vùng sông Mekong, An ninh nguồn nước, Biến đổi khí hậu, An ninh con người, An ninh lương thực

Abstract: *The Mekong sub-region is facing several non-traditional security challenges stemming from the construction of hydropower upstream. Based on secondary data sources, the paper explains and analyzes non-traditional security challenges in the region, including water security, climate change, human security, and food security. These challenges are examined in a complex geopolitical and geostrategic context.*

Keywords: Non-traditional Security, Mekong Sub-region, Water Security, Climate Change, Human Security, Food Security

Mở đầu

Thuật ngữ “an ninh phi truyền thống” (ANPTT) hay “mối đe dọa an ninh phi truyền thống” bắt đầu xuất hiện sau Chiến tranh Lạnh. Hiện nay, định nghĩa về thuật ngữ trên chưa đạt được thống nhất cao, với hai quan điểm chính: (i) ANPTT là khái niệm mở rộng của an ninh truyền thống; (ii) ANPTT là khái niệm đối lập với an ninh truyền thống. Trong một số công trình nghiên cứu, ANPTT thường được đề cập

với 4 đặc điểm chính: bắt nguồn từ các chủ thể hay nhân tố xuyên quốc gia; có tính chất đa chiều, đa hướng, xuyên biên giới; không thay thế các giải pháp quân sự truyền thống; gây nguy hại đối với con người lẫn chủ thể nhà nước (Terriff, 1999). Trong quan hệ quốc tế, những người theo chủ nghĩa tân tự do và tân hiện thực quan tâm đến tác động của ANPTT đến quốc gia ở các khía cạnh đe dọa quân sự, vấn đề chủ quyền, độc lập chính trị và các yếu tố khác. Các giá trị cụ thể bao gồm các giá trị vật chất của công dân, cá nhân, bản sắc cộng đồng, sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững (Lee, Chan, Lai-Ha, 2007). Theo Tsuneo Akaha (2002),

^(*) ThS., Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; Email: thutrang@hcmussh.edu.vn

bảo vệ các giá trị phi quân sự, phi nhà nước được coi là trung tâm của ANPTT. Trong đó, khủng bố, tội phạm có tổ chức, buôn bán ma túy, di cư bất hợp pháp, dịch bệnh, thiếu hụt tài nguyên thiên nhiên và suy thoái môi trường thường được coi là các vấn đề an ninh phi truyền thống nghiêm trọng nhất. Bởi lẽ, những vấn đề này vượt lên trên phạm vi biên giới quốc gia và để giải quyết cần có sự hợp tác đa phương giữa các chủ thể quốc gia và phi quốc gia trong khuôn khổ quản trị toàn cầu hoặc khu vực. ANPTT còn liên quan đến an ninh con người, an ninh lương thực... vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của con người và kinh tế - xã hội của bất kỳ quốc gia nào.

Tiểu vùng sông Mekong (TVSMK) là khu vực bị ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố địa chính trị, địa chiến lược. Bắt nguồn từ Tây Tạng của Trung Quốc, con sông dài nhất khu vực Đông Nam Á có thượng lưu và hạ lưu đi qua 6 quốc gia (Trung Quốc, Myanmar, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam) trước khi chảy ra biển Đông. Mekong là một huyết mạch cơ bản cho các vùng đất ngập nước và động vật hoang dã trong khu vực cũng như cho hàng triệu cư dân. Các vấn đề như xây đập ở thượng nguồn, thao túng lòng sông và phát triển TVSMK rộng lớn hơn - một phần trong phạm vi khuôn khổ “Sáng kiến Vành đai và Con đường” (BRI) của Trung Quốc, đem đến những thách thức mới cho các nước ven sông. Nhiều nguy cơ liên quan đến sông Mekong xuất hiện và đe dọa an ninh con người của hàng triệu người. Tuy nhiên, ở khu vực Đông Nam Á, so với vấn đề biển Đông, vấn đề Mekong lại ít được quan tâm hơn. Trong khi đó, TVSMK hoàn toàn có nguy cơ trở thành một không gian cho sự cạnh tranh quyền lực của các cường quốc.

1. An ninh nguồn nước và biến đổi khí hậu tại khu vực Tiểu vùng sông Mekong

Thiên tai, lũ lụt, hạn hán tại các nước TVSMK và dấu hiệu khủng hoảng nguồn nước của các quốc gia xung quanh ngày càng trầm trọng khiến an ninh nguồn nước trở thành một trong những vấn đề cấp bách. Nguồn nước cùng “các cuộc chiến tranh giữ nước” là một trong số các đề tài nghiên cứu được quan tâm trong giới học thuật. Việc sử dụng nước như một mối đe dọa và một vũ khí không còn mới mẻ, điều này được thể hiện rõ ràng trong một khu vực bị chiến tranh tàn phá hoặc xung đột (Theo: Vishwanth, 2019). Thực tế, các quốc gia tại TVSMK không nằm ở khu vực gặp tình trạng khủng hoảng nguồn nước trầm trọng¹.

Vấn đề nguồn nước có thể trở thành nguyên nhân sâu xa của những vấn đề ANPTT khác như an ninh con người, an ninh lương thực, an ninh môi trường... Nguồn nước từ sông Mekong liên quan đến sinh kế và môi trường sống của toàn bộ khu vực mà con sông đi qua. Nước là một nguồn tài nguyên khan hiếm trong thế giới ngày nay. Điều này dẫn đến nhu cầu quản lý xuyên quốc gia liên quan đến tài nguyên nước. Trong trường hợp sông Mekong, các chính sách và phát triển cơ sở hạ tầng gần đây của các quốc gia ở lưu vực đang dẫn đến nguy cơ gây tổn hại cho hệ thống sông và không thể thay đổi.

Biến đổi khí hậu xảy ra trong những năm gần đây càng khiến vấn đề an ninh nguồn nước trở nên phức tạp. Để ứng phó với biến đổi khí hậu, Ủy ban sông Mekong

¹ Xem thêm: World Resource Institute (2019), *17 countries, home to one-quarter of the world's population, face extremely high water stress*, August 6, 2019, <https://www.wri.org/insights/17-countries-home-one-quarter-worlds-population-face-extremely-high-water-stress>

(MRC) đã được thành lập theo Hiệp ước quốc tế vào năm 1995. Nhiều hoạt động, nghiên cứu đã được triển khai nhằm đánh giá đúng thực trạng và đưa ra những kế hoạch thích ứng hiệu quả. Vào tháng 3/2016, các nhà lãnh đạo của khu vực đã khởi động Hợp tác Lan Thương - Mekong (LMC) với tư cách là tổ chức liên chính phủ để thúc đẩy hợp tác giữa các nước trong khu vực trong khuôn khổ của “Sáng kiến Một vành đai, Một con đường” (OBOR) mà sau đó đổi tên thành “Sáng kiến Vành đai và Con đường” (Hong, 2016). Kế hoạch 5 năm (2018-2022) được công bố thể hiện việc thể chế hóa LMC ngày càng sâu rộng liên quan đến cả tài nguyên nước. Trong khi các chi tiết không thuộc phạm vi công cộng, theo kế hoạch, Trung Quốc tăng cường quản lý khẩn cấp thảm họa hạn hán và lũ lụt trên sông Lan Thương - Mekong, thực hiện đánh giá chung nhằm kiểm soát lũ lụt và cứu trợ hạn hán ở lưu vực sông Mekong, thực hiện nghiên cứu chung nhằm sớm thiết lập đường dây nóng/kênh liên lạc để chia sẻ thông tin trong trường hợp khẩn cấp về lũ lụt và hạn hán trên sông Lan Thương - Mekong. LMC là một hợp tác liên chính phủ, nhưng cũng đặt ra những thách thức đối với việc quản lý nước xuyên biên giới. Tại TVSMK, một số khu vực dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu là đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam và Hồ Tonle Sap của Campuchia (Evers, Pathirana, 2018).

Thích ứng¹ là vấn đề được đề cập trước hết trong các cuộc thảo luận về biến đổi khí hậu. TVSMK đang bị căng thẳng do những thách thức trong lưu vực ngày càng liên

quan đến biến đổi khí hậu. Những thách thức và giải pháp được đưa ra chỉ mới ở mức độ kỹ thuật, nhưng về cơ bản vẫn là đặt nghi vấn về chính trị quốc gia và khu vực. Cách tiếp cận do UNESCO đề xuất đã nhấn mạnh đến việc bảo tồn hoặc phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên như rừng và đất ngập nước để tăng cường lưu trữ, chất lượng và sự sẵn có của nước ở mọi quy mô. Trong khi đó, việc hỗ trợ các chiến lược chuẩn bị và thích ứng của cộng đồng một cách toàn diện, có sự tham gia và phù hợp với văn hóa cũng rất quan trọng.

2. An ninh con người tại khu vực Tiểu vùng sông Mekong

An ninh con người, theo quan niệm của UNDP (1994a), không chỉ bao hàm tự do rời khỏi chiến tranh và bạo lực (hoặc an ninh cá nhân), mà còn bao gồm nhu cầu cơ bản của cá nhân đối với an ninh kinh tế, an ninh lương thực, an ninh sức khỏe, an ninh môi trường, an ninh cộng đồng và an ninh chính trị. Ngoài ra, tiếp cận ở phạm vi rộng hơn, an ninh con người liên quan đến quyền con người, các khuôn khổ phát triển con người. Có thể thấy, các cách tiếp cận an ninh con người đều tập trung vào lợi ích của cá nhân, nhân quyền và phát triển con người.

Ở khu vực TVSMK, liên quan đến an ninh con người, bạo lực là một mối quan tâm lớn, bao gồm cả bạo lực của nhà nước, hay các tác nhân cá nhân hoặc cộng đồng. Chẳng hạn như tội phạm bạo lực, đều có thể có ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh cá nhân của người dân. Bạo lực sắc tộc và phân biệt đối xử do sắc tộc không chỉ ảnh hưởng đến an ninh cá nhân mà còn có thể gây khó khăn hơn cho con người khi họ mong muốn an toàn cả về kinh tế (UNDP, 1994b). Giới tính cũng có tác động đến khía cạnh lợi ích cá nhân. Vai trò giới thường quyết định

¹ điều chỉnh trong các hệ thống tự nhiên hoặc con người đối với một môi trường mới hoặc thay đổi (Theo: Smith và các cộng sự, 2000).

cách cư xử không chỉ đơn thuần trong hộ gia đình mà còn ngoài xã hội, và cần được xem xét. Phụ nữ phải chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái và làm những công việc không lương trong gia đình, đây được gọi là gánh nặng kép (Kinsella, 2017). Phụ nữ đôi khi có thêm việc làm được trả lương để mang lại thêm thu nhập cho hộ gia đình (Steans, 1999).

Buôn người, lạm dụng tình dục trẻ em là những vấn nạn nhức nhối dọc dòng sông Mekong. Trẻ em bị mua bán có thể bị lạm dụng về thể chất, nhiễm các bệnh về tình dục, di chứng sức khỏe tâm thần và lạm dụng chất kích thích (Theo: Tsai, 2019). Buôn người - về cơ bản là việc tìm kiếm, vận chuyển, tiếp nhận và chứa chấp người nhằm mục đích bóc lột sức lao động của họ - xuất hiện ở khắp nơi trên thế giới và đang gia tăng cả về quy mô và mức độ nghiêm trọng. Tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) ước tính có 9,49 triệu người bị lao động cưỡng bức (năm 2005), với một tỷ lệ đáng kể được cho là ở TVSMK (Dẫn theo: Friedman, 2012). Tại TVSMK, nạn buôn người có quy mô và hình thức rất đa dạng: nội bộ và xuyên biên giới; có tổ chức cao và cũng có quy mô nhỏ; giới tính (nam, nữ, khác); địa điểm lao động (trong nhà máy, xí nghiệp, trang trại, gia đình...); thông qua cơ chế tuyển dụng cả chính thức và không chính thức; đối tượng ở nhiều độ tuổi (người lớn và thậm chí cả trẻ em).

Di cư là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến nạn buôn người phát triển mạnh tại khu vực các đường biên giới (Theo: Hang, Koehler, 2012). Sáng kiến điều phối cấp Bộ trưởng Mekong chống buôn người (COMMIT, từ năm 2003) là đối thoại chính sách cấp cao ở TVSMK

mở rộng (GMS) nhằm ngăn chặn nạn buôn người, bảo vệ nạn nhân, hồi hương và tái hòa nhập cho người di cư, truy tố những kẻ phạm tội. Các chính phủ đã nỗ lực đạt được các thỏa thuận mang tính đột phá thúc đẩy hợp tác chống buôn người trong khu vực GMS. Buôn người là hậu quả trực tiếp của việc thiếu an ninh con người. Việc này phải được giải quyết ở từng cá nhân, xã hội, quốc gia, tầm khu vực và quốc tế.

3. An ninh lương thực tại khu vực Tiểu vùng sông Mekong

Theo FAO (1996), an ninh lương thực tồn tại khi tất cả mọi người, ở mọi lúc có khả năng tiếp cận kinh tế và vật chất đối với thực phẩm đầy đủ, an toàn và bổ dưỡng đáp ứng nhu cầu ăn uống và sở thích thực phẩm của một người để có một cuộc sống năng động và khỏe mạnh. Ngược lại, mất an ninh lương thực là khi con người thiếu khả năng tiếp cận lương thực và thực phẩm dinh dưỡng cần thiết để đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bình thường, có một cuộc sống năng động và lành mạnh. Từ đó, Buhaug (2017) cho rằng, mất an ninh lương thực liên quan đến 2 khía cạnh: (i) về phía người tiêu dùng - chịu các cú sốc về giá thực phẩm; (ii) về phía người sản xuất - mất thu nhập nông nghiệp và sinh kế.

Xung đột tác động trực tiếp đến tình trạng an ninh lương thực của người dân. Hiện nay, tranh luận về việc liệu tình trạng mất an ninh lương thực có gây ra xung đột hay không và mối quan hệ giữa tình trạng mất an ninh lương thực và xung đột thực chất là gì vẫn chưa đi đến hồi kết (Barrett, 2016). Một số học giả cho rằng có nhiều nguyên nhân trực tiếp dẫn đến xung đột mất an ninh lương thực, trong đó giá lương thực tăng đột biến là một nguyên nhân quan trọng (Buhaug, 2017). Về cơ bản, những thay đổi trong xã hội liên quan đến

việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và sự phân phối của cải trong một xã hội do thể chế gây ra đều có ảnh hưởng tích cực lẫn tiêu cực đến an ninh lương thực.

Vì thực phẩm là nhu cầu cơ bản nhất của con người, nên về nguyên tắc, mục tiêu chính của nền kinh tế là đáp ứng nhu cầu về thực phẩm. Khi an ninh lương thực yếu hoặc thiếu hụt, nghĩa là nền kinh tế đã sụp đổ hoặc kém phát triển. Ở khu vực TVSMK, tình trạng an ninh lương thực không đầy đủ vẫn tồn tại mặc dù nguồn lương thực dồi dào. Đồng thời, đảm bảo an ninh lương thực cũng liên quan đến chất lượng, giá thành của các sản phẩm. Việc đưa ra các chính sách đảm bảo thực phẩm về số lượng ở mức giá thấp mà nhiều đối tượng trong xã hội có thể tiếp cận được liệu có phải là giải pháp hiệu quả nhất để đảm bảo an ninh lương thực?

Sáng kiến Hạ nguồn sông Mekong (LMI) là một nỗ lực đa quốc gia nhằm thúc đẩy hợp tác tiểu vùng và nâng cao năng lực của các quốc gia Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam. Mỹ đang hỗ trợ các nước đối tác thông qua LMI để thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp và an ninh lương thực, từ đó hình thành môi trường phát triển bền vững ở TVSMK. Trụ cột An ninh Lương thực và Nông nghiệp trong LMI được xây dựng nhằm mở rộng thương mại và đầu tư nông nghiệp trong khu vực và đẩy mạnh ở khu vực tư nhân, nông dân với sự tham gia của xã hội dân sự. Các hoạt động được thiết kế để phát triển và chuyển dịch hiệu quả nông nghiệp, thủy sản hàng hóa trong TVSMK.

Thông qua nền tảng “Kết nối Mekong”, Mỹ hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, thể chế và “kết nối nhân dân” để thu hẹp khoảng cách phát triển trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và thúc đẩy

hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Nền tảng này đã thiết lập các kênh liên lạc chính thức giữa LMI và ASEAN, với các khóa đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và trao đổi các phương pháp tiên tiến nhất, đồng thời thúc đẩy chuyên môn của nhiều cơ quan và khu vực tư nhân để thúc đẩy thương mại, tinh thần khởi nghiệp và đổi mới trong khu vực. Dự án Phát triển lực lượng lao động, Kết nối sông Mekong thông qua Giáo dục và Đào tạo (COMET) giúp ít nhất 100 trường đại học và cao đẳng nghề nâng cao cơ hội kinh tế cho hơn 250.000 thanh niên trong toàn tiểu vùng. COMET bao gồm các quan hệ đối tác chiến lược với cộng đồng doanh nghiệp, trong đó có Microsoft, Intel và Cisco.

Sự quan tâm và tham gia của Mỹ thông qua LMI đã tạo động lực cho khu vực, thu hút sự chú ý đến các vấn đề địa chính trị. LMI là sự kết hợp thành công của cả sức mạnh “mềm” và “thông minh”. Mặc dù vẫn còn thiếu sót, sự “tái tương tác” của Mỹ với các quốc gia bên bờ sông Mekong và ASEAN đã có tác động tích cực khiến Trung Quốc chú ý nhiều hơn đến các mối quan tâm của người dân các nước vùng hạ lưu sông Mekong (Theo: Cronin, Hamlin, 2012).

Kết luận

Từ thực tế các vấn đề ANPTT diễn ra tại TVSMK trong bối cảnh địa chính trị, địa chiến lược, các quốc gia cần có sự hợp tác của ngoại giao đa phương. Cựu Ngoại trưởng Mỹ Henry Kissinger từng nhận định về tương lai của quan hệ Mỹ và Trung Quốc như sau: Xung đột là một lựa chọn không cần thiết (Kissinger, 2012). Do đó, tại TVSMK, với các yếu tố địa chính trị, địa chiến lược, vẫn diễn ra sự tranh giành của hai cường quốc trên, nhưng xung đột là điều không chủ thể nào mong muốn. Các quốc gia trong khu vực phải nỗ lực và hợp

tác để cùng nhau giải quyết tình trạng đa dạng về thể chế nhưng lại độc quyền về cấu trúc trong các thể chế đa phương chịu ảnh hưởng của Trung Quốc hoặc Mỹ. Một trong những giải pháp khả dĩ là kết nối hợp tác TVSMK với biển Đông, tạo thành một không gian chiến lược. ASEAN có thể phê chuẩn một hiệp định mới về biển Đông - Mekong để xác lập vị trí trung tâm của ASEAN trong quản lý và giải quyết vấn đề Mekong. Bằng cách này, ASEAN có thể giành lại cơ hội trở thành người “ra luật” nhờ nắm bắt địa chính trị thay vì chịu áp đặt chính trị từ bên ngoài. Nếu ASEAN thất bại trong việc này và đứng ngoài trong cuộc cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc ở TVSMK, một khi tình thế vượt ngoài tầm kiểm soát, thiệt hại sẽ thuộc về các nước nhỏ. Trong trường hợp thành công, giải pháp này có thể áp dụng ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Sự can dự của Mỹ và những ganh đua của hai cường quốc Mỹ - Trung có thể sẽ dễ khiến ASEAN trở nên chia rẽ và mất vị trí trung tâm ở khu vực của chính mình.

Sự phát triển thủy điện nhanh chóng ở TVSMK dẫn đến các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng tăng. Hệ quả của biến đổi khí hậu, biến đổi nguồn nước có thể dẫn đến sự mất an ninh lương thực và an ninh con người. Việc tiếp tục xây dựng đập trên sông Mekong có thể dẫn đến một thảm họa an ninh phi truyền thống, đặc trưng bởi tình trạng thiếu lương thực trầm trọng, sinh kế bị hủy hoại và số lượng lớn người dân di cư bất thường □

Tài liệu tham khảo

1. Akaha, T. (2002), “Non-traditional security issues in Northeast Asia and prospects for international cooperation”, in: *Thinking outside the security box: Non-traditional security in Asia: Governance, globalization, and the environment*, United Nations University Seminar, United Nations, New York, March 15, 2002, <http://www.ony.unu.edu/seminars/securityinasia/akaha.pdf>
2. Barrett, C. (2016), “Food or Consequences: Food Security and Its Implications for Global Sociopolitical Stability”, in: Barrett, C. (2016), *Food Security and Sociopolitical Stability*, Oxford University Press, Oxford, pp.1-35.
3. Buhaug, H. (2017), “Food insecurity and political instability”, in: Dahlhaus, N., Weisskopf, D. (2017), *Future scenarios of global cooperation*, Duitzburg: Centre of Global Cooperation Research, pp.105-111.
4. Chantha, O., Ty, S. (2020), “Assessing changes in flow and water quality emerging from hydropower development and operation in the Sesan River Basin of the Lower Mekong Region”, *Sustainable Water Resource Management*, 6(27), DOI: 10.1007/s40899-020-00386-8.
5. Cronin, R., Hamlin, T. (2012), “The United States and the Lower Mekong Initiative (LMI)”, *Mekong Turning Point: Shared River for a Shared Future*, Stimson Center, pp. 49-52, <http://www.jstor.org/stable/resrep10951.14>.
6. Evers, J., Pathirana, A. (2018), “Adaptation to climate change in the Mekong River Basin: introduction to the special issue”, *Climatic Change*, 141(1), 1-11, DOI: 10.1007/s10584-018-2242-y.
7. Eyler, B. (2020), “Science shows Chinese dams are devastating the Mekong: new data demonstrates a devastating effect on downstream water supplies that feed

- millions of people”, *Foreign Policy* dated April 22, 2020, <https://foreignpolicy.com/2020/04/22/science-shows-chinese-dams-devastatingmekong-river/>
8. FAO (1996), *World Food Summit 1996*, FAO, Rome.
 9. Friedman, M. (2012), “Human Trafficking in the Mekong Region: one response to the problem”, *FOCUS*, <https://www.hurights.or.jp/archives/focus/section2/2012/03/human-trafficking-in-the-mekong-region-one-response-to-the-problem.html>
 10. Hang, T., Koehler, J. (2012), *Exploratory research: trafficking in boys in Viet Nam*, International Organization for Migration, Hanoi, https://vietnam.iom.int/sites/default/files/IOM_Files/Projects/Migration_Gender/Final_report_Trafficking_in_boys_ENG.pdf
 11. Hong, Z. (2016), “China’s One Belt One Road: an overview of the debate”, *Singapore: Trends in Southeast Asia*, 2016(6), pp. 1-33, DOI: 10.1355/9789814762366.
 12. Lee, K., Chan, P. K., Lai-Ha (2007), “Non-traditional security threats in China: challenges of energy shortage and infectious diseases”, in: Cheng, Joseph Y.S. (ed., 2007), *Challenges and Policy Programmes of China’s New Leadership*, City University of Hong Kong Press, Hong Kong, pp. 297-336.
 13. Kinsella, H. (2017), “Feminism”, In J. Baylis, S. Smith, & P. Owens (2017), *The Globalization of World Politics: an introduction to international relations*, Oxford, Oxford University Press, United Kingdom.
 14. Kissinger, H. A. (2012), “The Future of U.S.-Chinese Relations: Conflict Is a Choice, Not a Necessity”, *Foreign Affairs*, 91(2), pp. 44-55, <http://www.jstor.org/stable/23217220>
 15. Smit, B., Burton, I., Klein, R.J., Wandel, J. (2000), “An anatomy of adaptation to climate change and variability”, *Climatic Change*, 45(1), pp. 223-251.
 16. Steans, J. (1999), “The private is global”, *New Political Economy*, Vol. 4, Iss. 1, pp. 113-128.
 17. Terriff, T. (ed., 1999), *Security Studies Today*, Polity Press, Cambridge.
 18. Tsai, C. (2019), “The trafficking of children in the Greater Mekong Region: a review of recent literature”, *Child Abuse Review*, 28(3), pp. 198-208.
 19. UNDP (1994a), *Human Development Report 1994*, Oxford University Press, New York.
 20. UNDP (1994b), *New dimensions of human security*, Oxford University Press, Oxford, United Kingdom.
 21. Vishwanth, A. (2019), “The Role of water as a non traditional security challenge”, *Artha - Journal of Social Sciences*, 18(4), 103-116, DOI:10.12724/ajss.51.7.